

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và
miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021
đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc
hội khóa XIV phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc
hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển
kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã
hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I:
từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách
trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền
núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ban Thường vụ
Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc giai đoạn
2021 - 2030;*

*Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 350/TTr-BDT, ngày 18
tháng 5 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh;
- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Đắk Lắk;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (Vk.15b)

} (báo cáo)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Y Giang Gry Niê Knong

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Kế hoạch số 11768/KH-UBND ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; xác định nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh; đảm bảo sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả và kịp thời giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp quản lý, tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành mục tiêu của Chương trình.

2. Yêu cầu

- Xác định nhiệm vụ thực hiện phải tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng, phù hợp với điều kiện, khả năng, nguồn lực thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Xác định nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực các cơ quan, đơn vị, địa phương; sự tham gia của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh trong triển khai thực hiện Chương trình.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

a) Mục tiêu:

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn chưa có đất ở, nhà ở hoặc có nhà ở tạm,

đột nát được hỗ trợ đất ở, xây dựng nhà ở đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Phần đầu đạt 90% hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức của địa phương được giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề.

- Góp phần đạt 90% hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Tăng cường tạo việc làm, hỗ trợ chuyển đổi nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và địa bàn sinh sống.

b) Đối tượng: Hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có đất ở; chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị đột nát, hư hỏng; làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp nhưng không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương; có khó khăn về nước sinh hoạt. Ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; hộ nghèo có phụ nữ là chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động.

c) Nội dung:

- Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở: Căn cứ quỹ đất, hạn mức đất ở và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định giao đất để làm nhà ở cho các đối tượng nêu trên phù hợp với điều kiện, tập quán ở địa phương và pháp luật về đất đai, cụ thể:

+ Ở những nơi có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương sử dụng số tiền hỗ trợ từ ngân sách để tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật để cấp đất ở cho các đối tượng được thụ hưởng;

+ Ở các địa phương không có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương bố trí kinh phí hỗ trợ cho người dân tự ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép.

- Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở: Hỗ trợ xây dựng 01 căn nhà theo phong tục tập quán của địa phương, định mức tính theo xây dựng 01 căn nhà cấp 4 đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng).

- Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề: Hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp

không có hoặc thiếu từ 50% đất sản xuất trở lên theo định mức của địa phương thì được hưởng một trong hai chính sách sau:

+ Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất: Hộ không có đất sản xuất nếu có nhu cầu thì được chính quyền địa phương trực tiếp giao đất sản xuất;

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất thì hộ không có đất hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ chuyển đổi nghề.

- Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt:

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Ưu tiên hỗ trợ để mua sắm trang bị hoặc xây dựng bể chứa nước phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình;

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Đầu tư xây dựng công trình nước tập trung theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên cho người dân vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn, vùng đặc biệt khó khăn, vùng cao chưa có nguồn nước hoặc thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Hộ gia đình thuộc diện đối tượng theo quy định của Dự án này có nhu cầu vay vốn được vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội để có đất ở, xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở, tạo quỹ đất sản xuất, học nghề và chuyển đổi nghề.

d) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án 1; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án 1 theo định kỳ, đột xuất.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Dự án 1 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Dự án 1 theo định kỳ, đột xuất.

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách theo quy định hiện hành; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Dự án 1 theo định kỳ, đột xuất.

đ) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Dự án 1: 229,018 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 208,198 tỷ đồng (vốn đầu tư: 122,418 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 85,780 tỷ đồng);

- Ngân sách địa phương: 20,820 tỷ đồng (vốn đầu tư: 12,242 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 8,578 tỷ đồng);

- Vốn vay tín dụng chính sách;
- Vốn huy động hợp pháp khác.

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

a) Mục tiêu: Nhằm ổn định và nâng cao đời sống của người dân, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, du canh, du cư, di cư tự do; giải quyết sinh kế, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố an ninh, quốc phòng.

b) Đối tượng: Hộ gia đình được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn du canh, du cư;
- Hộ gia đình cá nhân di cư tự do đến địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn;
- Hộ gia đình, cá nhân sống ở địa bàn đặc biệt khó khăn, nơi thường xuyên xảy ra thiên tai hoặc có nguy cơ xảy ra thiên tai cần phải bố trí, sắp xếp ổn định dân cư;
- Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện di chuyển đến sinh sống ở các xã biên giới, các điểm bố trí dân cư tập trung hoặc được bố trí đến sinh sống ổn định ở các xã biên giới, các điểm bố trí dân cư theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước.
- Xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Nội dung:

- Hỗ trợ khảo sát vị trí, địa điểm phục vụ công tác quy hoạch, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư.
- Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng:
 - + Bồi thường, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng đất ở tại điểm tái định cư;
 - + Khai hoang đất sản xuất;
 - + Đầu tư xây dựng: Đường giao thông (nội vùng dự án và đường nối điểm dân cư mới đến tuyến giao thông gần nhất); công trình thủy lợi nhỏ, điện, nước sinh hoạt và một số công trình thiết yếu khác.
- Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình:
 - + Hỗ trợ nhà ở, đất sản xuất (đối với trường hợp phải thay đổi chỗ ở);
 - + Hỗ trợ kinh phí di chuyển các hộ từ nơi ở cũ đến nơi tái định cư;

+ Thực hiện các chính sách hỗ trợ hiện hành khác đối với các hộ được bố trí ổn định như người dân tại chỗ.

- Hỗ trợ địa bàn bố trí dân xen ghép:

+ Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân khi thu hồi đất);

+ Xây mới hoặc nâng cấp lớp học, trạm y tế, các công trình thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, điện, nước sinh hoạt và một số công trình hạ tầng thiết yếu khác.

d) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án 2; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án 2 theo định kỳ, đột xuất.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Dự án 2 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Dự án 2 theo định kỳ, đột xuất.

đ) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Dự án 2: 819,160 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 744,691 tỷ đồng (vốn đầu tư: 677,973 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 66,718 tỷ đồng);

- Ngân sách địa phương: 74,469 tỷ đồng (vốn đầu tư: 67,797 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 6.672 tỷ đồng);

- Vốn huy động hợp pháp khác.

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

3.1 Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

a) Mục tiêu: Tạo việc làm, thu nhập cho người dân làm nghề rừng; hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, đặc biệt là phát triển kinh tế dưới tán rừng gắn với bảo vệ rừng bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

b) Đối tượng:

- Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và

miền núi, có thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau: Bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất; nhận khoán bảo vệ rừng;

- Cộng đồng dân cư thôn thuộc các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được giao rừng theo quy định của pháp luật đang thực hiện bảo vệ rừng được giao hoặc rừng nhận khoán.

c) Nội dung:

- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế theo quy định hiện hành; diện tích rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý;

- Hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình;

- Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung;

- Đối với diện tích đất được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình được hỗ trợ một lần cho chu kỳ đầu tiên để trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ;

- Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ đối với diện tích đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ đã giao cho hộ gia đình theo quy định hiện hành. Hộ gia đình được hưởng lợi từ rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định có liên quan;

- Trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ.

d) Phân công thực hiện:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án 1 theo định kỳ, đột xuất.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) về kết quả thực hiện Tiểu dự án 1 theo định kỳ, đột xuất.

đ) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 1: 208,354 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 189,413 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);

- Ngân sách địa phương: 18,941 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);
- Vốn huy động hợp pháp khác.

3.2 Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

3.2.1 Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

a) Mục tiêu: Hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp với từng vùng, miền; khai thác tiềm năng lợi thế theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Đối tượng:

- Các hộ nghèo, cận nghèo. Ưu tiên hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động; hộ sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

- Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), HTX tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

c) Địa bàn: Các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Nội dung: Ưu tiên tập trung xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, hỗ trợ áp dụng kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ, nâng cao năng lực sơ chế, chế biến và phát triển thị trường, trong đó:

- Với các địa phương có thế mạnh trong phát triển nguồn nguyên liệu, có điều kiện phát triển sản xuất, căn cứ vào tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện lựa chọn để hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện, tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau:

- + Tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường;

- + Hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật;

- + Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ;

+ Hướng dẫn áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ; xây dựng, đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm; các hoạt động quảng bá sản phẩm, mở rộng các kênh phân phối;

+ Đối với những địa phương đã bước đầu hình thành sản xuất theo chuỗi giá trị, tập trung hỗ trợ để củng cố, mở rộng, nâng cấp liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm đã có.

- Với các địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, căn cứ vào tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, trong đó tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau:

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất;

+ Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Hỗ trợ thiết kế nhà xưởng; hướng dẫn vận hành máy móc thiết bị; thiết bị, vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm;

+ Hỗ trợ các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

Các đối tượng của Tiểu dự án được vay vốn tín dụng chính sách và vốn tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định hiện hành.

đ) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nội dung số 01; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Nội dung số 01 theo định kỳ, đột xuất.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Nội dung số 01 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Nội dung số 01 theo định kỳ, đột xuất.

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách theo quy định hiện hành; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Nội dung số 01 theo định kỳ, đột xuất.

3.2.2 Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý

a) Mục tiêu: Bước đầu hình thành hệ thống chuỗi giá trị phát triển dược liệu quý; hình thành ý thức nuôi trồng dược liệu theo chuỗi giá trị và bảo tồn nguồn gen dược liệu đảm bảo các quy trình và tiêu chuẩn quản lý chất lượng; kết hợp bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

b) Đối tượng:

- Các dự án phát triển sâm và dược liệu quý có hoạt động ở các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, sử dụng tối thiểu 50% lao động là người dân tộc thiểu số (ưu tiên các dự án sử dụng trên 50% lao động là nữ), do các tổ chức kinh tế và cá nhân, hộ gia đình người dân tộc thiểu số, hộ nghèo sinh sống trong vùng có điều kiện tự nhiên phù hợp cùng tham gia thực hiện và cam kết hỗ trợ thu mua, sản xuất, tiêu thụ dược liệu trong vùng;

- Thôn, xã, huyện nơi triển khai dự án.

b) Nội dung:

- Địa phương nơi triển khai dự án căn cứ điều kiện thực tế hỗ trợ, bố trí, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuê đủ môi trường rừng để triển khai dự án;

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông kết nối đạt chuẩn cấp V miền núi, hệ thống điện, cấp thoát nước) để phục vụ dự án phát triển vùng nguyên liệu. Ưu tiên hỗ trợ các dự án nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn thực hiện dự án để hình thành vùng nguyên liệu;

- Hỗ trợ kinh phí cải tạo cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng, cơ sở bảo quản dược liệu quý và mua sắm trang thiết bị trong hàng rào dự án. Ưu tiên hỗ trợ các khu, vùng nuôi trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao;

- Hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ;

- Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh;

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng;

- Hỗ trợ chi phí chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi;

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm, tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm;

- Đối với các dự án trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ 01 lần tối đa 80% chi phí sản xuất giống gốc và 50% chi phí sản xuất giống thương phẩm;

- Hỗ trợ vay vốn tín dụng chính sách theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số;

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống kết nối chuỗi giá trị dược liệu và sản phẩm y dược cổ truyền được truy xuất nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng; xúc tiến thương mại cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Phân công thực hiện:

- Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn các địa phương nghiên cứu, khảo sát, hoàn thiện phương án phát triển dược liệu và phê duyệt dự án; xây dựng, đề xuất cơ chế quản lý, khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển dược liệu và hướng dẫn tổ chức thực hiện ở địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Nội dung số 02 theo định kỳ, đột xuất.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Nội dung số 02 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Nội dung số 02 theo định kỳ, đột xuất.

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách đối với dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Nội dung số 02 theo định kỳ, đột xuất.

3.2.3 Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Mục tiêu: Thúc đẩy, hỗ trợ quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng hàng hóa, dịch vụ ở khu vực các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh trong đồng bào dân tộc thiểu số dựa trên tiềm năng, thế mạnh và nguồn tài nguyên sẵn có tại địa phương; tạo việc làm và thu nhập ổn định kết hợp với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, tri thức truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số.

b) Đối tượng:

- Doanh nghiệp, HTX đang hoạt động trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có kế hoạch mở rộng kinh doanh, sản xuất; doanh nghiệp, HTX mới thành lập có các hoạt động và sử dụng lao động

trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Các trường đại học có đông sinh viên dân tộc thiểu số theo học và có các hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh tại các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Nội dung:

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Hỗ trợ xây dựng, vận hành các dự án “Trung tâm hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” tại các trường đại học;

- Định kỳ hằng năm tổ chức biểu dương thanh niên, sinh viên, người có uy tín tiêu biểu và tấm gương khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

- Tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Tổ chức các hội chợ, triển khai thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh triển khai các hoạt động thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Nội dung số 03 theo định kỳ, đột xuất.

- Sở Công Thương tham mưu UBND tỉnh thực hiện nội dung hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện các nội dung liên quan trên địa bàn, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc, Sở Công thương) về kết quả thực hiện Nội dung số 03 theo định kỳ, đột xuất.

3.2.4 Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 2: 271,374 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 246,704 tỷ đồng (vốn đầu tư: 28,999 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 217,705 tỷ đồng);

- Ngân sách địa phương: 24,670 tỷ đồng (vốn đầu tư: 2,9 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 21,77 tỷ đồng);

- Vốn vay tín dụng chính sách;

- Vốn huy động hợp pháp khác.

3.3 Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Mục tiêu: Xây dựng các mô hình gắn kết quân dân, mô hình giảm nghèo bền vững gắn phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng thế trận phòng thủ và thế trận bảo đảm hậu cần tại các địa bàn chiến lược.

b) Đối tượng:

- Hộ gia đình người dân tộc thiểu số; hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo người Kinh;

- Các cơ sở sản xuất; cơ sở chế biến tiêu thụ sản phẩm; doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số và miền núi;

- Các tổ chức, đoàn thể, cán bộ chuyên môn tham gia dự án.

c) Phạm vi: Các xã khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn chiến lược về quốc phòng an ninh.

d) Nội dung:

- Hỗ trợ các dự án, mô hình chăn nuôi: Hỗ trợ phát triển chăn nuôi; chế biến thức ăn chăn nuôi tại chỗ; tập huấn, tư vấn kỹ thuật gắn với nhiệm vụ xây dựng thế trận quốc phòng an ninh và các hoạt động khác có liên quan;

- Hỗ trợ các dự án, mô hình trồng trọt (phát triển cây trồng phù hợp với thổ nhưỡng của từng vùng): Hỗ trợ phát triển trồng trọt; tập huấn, tư vấn kỹ thuật gắn với nhiệm vụ xây dựng thế trận quốc phòng an ninh và các hoạt động khác có liên quan;

- Cán bộ, chiến sỹ quân đội nâng bước em tới trường: Hỗ trợ các em trong độ tuổi đi học (từ lớp 1 đến lớp 12) là dân tộc thiểu số đang sinh sống ở khu vực biên giới, có hoàn cảnh khó khăn; là con của người có uy tín, người tích cực tham gia bảo vệ biên giới trong đồng bào các dân tộc thiểu số và các em là người dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù sinh sống ở khu vực biên giới được các đơn vị Quân đội nhận nuôi và hỗ trợ, giúp đỡ.

d) Phân công thực hiện:

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện các nội dung của Tiểu dự án 3 trên địa bàn các xã vùng sâu, vùng xa thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn chiến lược về quốc phòng an ninh; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Tiểu dự án 3 theo định kỳ, đột xuất.

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện các nội dung của Tiểu dự án 3 trên địa bàn các xã khu vực biên giới; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) kết quả thực hiện Tiểu dự án 3 theo định kỳ, đột xuất.

đ) Nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 3: Do Bộ Quốc phòng triển khai thực hiện theo quy định.

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

4.1 Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Mục tiêu: Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã đặc biệt khó khăn, các thôn đặc biệt khó khăn; đầu tư đường đến trung tâm xã và cứng hóa đường đến trung tâm xã, liên xã, cụ thể: 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm xã được cứng hóa. 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

b) Phạm vi: Các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Nội dung:

- Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn

+ Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản; trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà sinh hoạt cộng đồng; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình thủy lợi nhỏ; các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán để phục vụ nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật; ưu tiên công trình có nhiều hộ nghèo, phụ nữ hưởng lợi;

+ Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn;

+ Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa; ưu tiên đầu tư đối với các xã chưa có đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã);

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm kết nối các xã đặc biệt khó khăn trên cùng địa bàn (hệ thống hạ tầng phục vụ giáo dục, y tế; hệ thống cầu, đường giao thông; hạ tầng lưới điện...); xây dựng cầu dân sinh để phục vụ sinh hoạt, tăng cường kết nối, tạo trục động lực phát triển đồng bộ trên cơ sở thúc đẩy liên kết giữa các xã đặc biệt khó khăn nhằm phát huy sức mạnh tiểu vùng giúp phát triển bền vững và góp phần xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước.

- Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện các nội dung của Nội dung số 01; chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Y tế chỉ đạo các địa phương rà soát danh mục đầu tư bảo đảm không trùng lặp về nội dung, nguồn vốn trên cùng một địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án 1 theo định kỳ, đột xuất.

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện các nội dung của Nội dung số 02; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Nội dung số 02 theo định kỳ, đột xuất.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Dự án đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc, Sở Công Thương) về kết quả thực hiện Tiểu dự án 1 theo định kỳ, đột xuất.

đ) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 1: 1.135,064 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 1.031,877 tỷ đồng (vốn đầu tư: 954,033 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 77,844 tỷ đồng);

- Ngân sách địa phương: 103,187 tỷ đồng (vốn đầu tư: 95,403 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 7,784 tỷ đồng);

- Vốn huy động hợp pháp khác.

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

5.1 Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

a) Mục tiêu: Củng cố và phát triển hợp lý hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú; đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường chưa đạt chuẩn quốc gia để đảm bảo tốt việc tổ chức dạy - học (bao gồm cả các hoạt động dạy và học trực tuyến), nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh bán trú, nội trú. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác xóa mù chữ, tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ.

b) Đối tượng:

- Hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh đang trực tiếp quản lý, giảng dạy và học tập tại các nhà trường. Ưu tiên đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số trong giảng dạy và học tập cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và vùng khó khăn, biên giới; các trường chưa có cơ sở vật chất hoặc có nhưng còn phải thuê, mượn hoặc xuống cấp;

- Cán bộ quản lý, giáo viên, người tham gia thực hiện công tác xóa mù chữ (già làng, trưởng bản, bộ đội biên phòng, trụ trì, sư, tăng, ni tại các chùa, các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm và các đối tượng khác) ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên đầu tư cho các địa phương thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới.

c) Nội dung:

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, có học sinh bán trú:

+ Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên;

+ Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất/khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ khác;

+ Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh dân tộc thiểu số;

+ Ưu tiên đầu tư xây dựng trường dân tộc nội trú cho huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhưng chưa có hoặc phải đi thuê địa điểm để tổ chức hoạt động.

- Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số:

+ Xây dựng tài liệu phục vụ hướng dẫn dạy xóa mù chữ, thiết kế công nghệ, thiết bị lưu trữ cơ sở dữ liệu về xóa mù chữ, dạy học xóa mù chữ;

+ Bồi dưỡng, tập huấn, truyền thông, tuyên truyền;

+ Hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ;

+ Hỗ trợ tài liệu học tập, sách giáo khoa, văn phòng phẩm.

d) Phân công thực hiện:

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Tiểu dự án 1 định kỳ, đột xuất.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc, Sở Giáo dục và Đào tạo) về kết quả thực hiện Tiểu dự án 1 theo định kỳ, đột xuất.

đ) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 1: 183,016 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 166,378 tỷ đồng (vốn đầu tư 144,662 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 21,716 tỷ đồng);

- Ngân sách địa phương: 16,638 tỷ đồng (vốn đầu tư 14,466 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 2,172 tỷ đồng);

- Vốn huy động hợp pháp khác.

5.2 Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Mục tiêu:

- Nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học nhằm góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Đối tượng:

- Bồi dưỡng kiến thức công tác dân tộc và dạy tiếng dân tộc thiểu số: Cán bộ, công chức, viên chức theo dõi công tác dân tộc ở vùng dân tộc thiểu số; dạy tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức, viên chức, thuộc nhóm đối tượng 3, 4 tiếp xúc trực tiếp, làm việc với đồng bào dân tộc thiểu số;

- Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học: Học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức học tập và công tác trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và trong các cơ quan công tác dân tộc được hỗ trợ trong đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học; ưu tiên người dân tộc thiểu số thuộc nhóm dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù, nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, hộ dân tộc thiểu số nghèo thuộc các xã đặc biệt khó khăn, người dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn và phụ nữ dân tộc thiểu số.

c) Nội dung:

- Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc:

+ Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 2, 3 và 4; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nội dung số 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học:

+ Đối với bồi dưỡng hệ dự bị đại học: Hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục chuyên biệt và trường đại học tổ chức bồi dưỡng hệ dự bị đại học cho học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Đối với đào tạo đại học, sau đại học: Hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục đại học tổ chức đào tạo trình độ đại học, sau đại học các chuyên ngành đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Phân công thực hiện:

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án 2 theo định kỳ, đột xuất.

đ) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 2: 45,235 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 41,123 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);
- Ngân sách địa phương: 4,112 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);
- Vốn huy động hợp pháp khác.

5.3 Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

a) Mục tiêu:

- Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Hỗ trợ lao động là người dân tộc thiểu số tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm; hỗ trợ thanh niên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng.

b) Đối tượng:

- Người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp các cấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Các trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở giới thiệu việc làm có hoạt động liên quan đến người lao động là người dân tộc thiểu số và người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Các doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc ở nước ngoài; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc ở nước ngoài.

c) Nội dung:

- Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo;

- Hỗ trợ đào tạo nghề;

- Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Chuẩn hóa kỹ năng lao động và kết nối hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số;

- Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Phát triển, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề; phát triển Chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; xây dựng các bộ tiêu chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp; số hóa các Chương trình, giáo trình, học liệu; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học; hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo;

- Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; kiểm tra, giám sát đánh giá; xây dựng bộ chỉ số (KPI) để làm cơ sở giám sát và đánh giá việc triển khai các nội dung theo mục tiêu của dự án và xây dựng phương pháp, cơ chế giám sát, đánh giá và đề xuất điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án.

d) Phân công thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Tiểu dự án 3 theo định kỳ, đột xuất.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Tiểu dự án 3 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) về kết quả thực hiện Tiểu dự án 3 theo định kỳ, đột xuất.

đ) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 3: 421,651 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 383,319 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);

- Ngân sách địa phương: 38,332 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);
- Vốn huy động hợp pháp khác.

5.4 Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

a) Mục tiêu: Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện Chương trình (bao gồm: Quy trình triển khai dự án, tiểu dự án của Chương trình; quy trình, kỹ năng làm chủ đầu tư, nghiệp vụ đấu thầu, quản lý tài chính và thanh quyết toán; quy trình lập kế hoạch; kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện), các kỹ năng về phát triển cộng đồng và các nội dung liên quan khác cho cán bộ cơ sở thực hiện Chương trình cấp xã và cấp thôn.

b) Đối tượng:

- Cộng đồng: Ban giám sát cộng đồng xã, đại diện cộng đồng, người dân, công tác viên giảm nghèo, các tổ duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng tại thôn, người có uy tín trong cộng đồng, ưu tiên người dân tộc thiểu số và phụ nữ trong các hoạt động nâng cao năng lực;

- Cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc ở các cấp (bao gồm cán bộ thuộc các cơ quan, ban ngành chủ trì và tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình) và cán bộ các tổ chức đoàn thể, lực lượng cốt cán, người có uy tín trong cộng đồng, các chức sắc, chức việc tôn giáo tham gia vào quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình.

c) Nội dung:

- Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; ưu tiên các nội dung giới thiệu về cách tiếp cận, phương pháp và các mô hình giảm nghèo thành công;

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình; tổ chức hội thảo, hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương;

- Thực hiện nâng cao năng lực chuyên sâu phù hợp với điều kiện, đặc điểm của các nhóm địa bàn: Ưu tiên các xã còn yếu về năng lực làm chủ đầu tư, về thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù; ưu tiên những thôn sẽ trực tiếp thực hiện những dự án, công trình cụ thể; tập trung vào các nội dung còn thiếu, còn yếu của cán bộ cơ sở, đại diện cộng đồng;

- Hỗ trợ chuyển đổi số và nâng cao khả năng học tập, chia sẻ kinh nghiệm trực tuyến cho cán bộ triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp; thực hiện các hoạt

động để nâng cao nhận thức và năng lực của các bên liên quan (ngoài các cơ quan tổ chức chủ trì và tham gia thực hiện Chương trình) để có sự phối hợp hiệu quả, huy động nguồn lực tổng hợp cho Chương trình.

d) Phân công thực hiện:

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện các nội dung của Tiểu dự án 4; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án 4 theo định kỳ, đột xuất.

đ) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 4: 45,590 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 41,445 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);
- Ngân sách địa phương: 4,145 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);
- Vốn huy động hợp pháp khác.

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

a) Mục tiêu: Khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ văn hóa; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng, trong đó ưu tiên các dân tộc thiểu số rất ít người.

b) Đối tượng:

- Cấp huyện có xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- Bản sắc văn hóa, di sản của các dân tộc thiểu số;
- Đồng bào các dân tộc thiểu số; nghệ nhân người dân tộc thiểu số;
- Cán bộ, công chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc;
- Văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số;
- Lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; thiết chế văn hóa cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- Doanh nghiệp, HTX, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Nội dung:

- Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số rất ít người;

- Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số;

- Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch;

- Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận;

- Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể;

- Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một (các hình thức sinh hoạt văn hóa, tập quán xã hội, nhạc cụ, kiến trúc truyền thống, trang phục truyền thống, các môn thể thao truyền thống, tiếng nói, chữ viết và các giá trị khác văn hóa khác);

- Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số (mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa đặc thù các dân tộc thiểu số, mô hình bảo vệ văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số; mô hình xây dựng đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số; mô hình di sản kết nối gắn với các hành trình du lịch di sản để phát triển cộng đồng các dân tộc thiểu số có di sản tương đồng);

- Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn, buôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư;

- Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống;

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu;

- Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số để cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số;

- Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số;

- Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số;

- Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; Chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số;

- Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số;

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch.

d) Phân công thực hiện:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án 6; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Dự án 6 theo định kỳ, đột xuất.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Dự án 6 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) về kết quả thực hiện Dự án 6 theo định kỳ, đột xuất.

đ) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Dự án 6: 76,713 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 69,739 tỷ đồng (vốn đầu tư: 38,723 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 31,016 tỷ đồng);

- Ngân sách địa phương: 6,974 tỷ đồng (vốn đầu tư: 3,872 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 3,102 tỷ đồng);

- Vốn huy động hợp pháp khác.

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em

a) Mục tiêu: Cải thiện sức khỏe của người dân tộc thiểu số về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ. Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại. Tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Đối tượng:

+ Người dân tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ em và người cao tuổi.

+ Trung tâm y tế huyện.

+ Cán bộ y tế, dân số; nhân viên Trung tâm y tế huyện; nhân viên trạm y tế xã, viên chức dân số xã; nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dân số; cô đỡ thôn bản.

c) Nội dung:

- Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

+ Đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho Trung tâm y tế huyện;

+ Đào tạo nhân lực y tế cho các huyện nghèo và cận nghèo vùng khó khăn;

+ Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật về trạm y tế xã;

+ Đào tạo y học gia đình cho nhân viên trạm y tế xã;

+ Hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn bản;

+ Hỗ trợ điễm tiêm chủng ngoại trạm.

- Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

+ Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh;

+ Ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới;

+ Nâng cao năng lực quản lý dân số;

+ Phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số:

+ Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho bà mẹ - trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số;

+ Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em;

+ Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em.

d) Phân công thực hiện:

- Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án 7; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Dự án 7 theo định kỳ, đột xuất.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Dự án 7 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc, Sở Y tế) về kết quả thực hiện Dự án 7 theo định kỳ, đột xuất.

đ) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Dự án 7: 107,373 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 97,612 tỷ đồng (vốn đầu tư: 60,394 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 37,218 tỷ đồng);

- Ngân sách địa phương: 9,761 tỷ đồng (vốn đầu tư: 6,039 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 3,722 tỷ đồng);

- Vốn huy động hợp pháp khác.

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

a) Mục tiêu: Nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

b) Đối tượng: Phụ nữ và trẻ em gái tại các xã và thôn đặc biệt khó khăn, ưu tiên phụ nữ và trẻ em gái là người dân tộc thiểu số trong các hộ nghèo, cận nghèo, nạn nhân bị mua bán, bị bạo lực gia đình, bị xâm hại tình dục, di cư lao động không an toàn/lấy chồng nước ngoài trở về, người khuyết tật.

c) Nội dung:

- Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em:

+ Xây dựng các nhóm truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng;

+ Thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em;

+ Hội thi/liên hoan các mô hình sáng tạo và hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình và mua bán phụ nữ và trẻ em;

+ Triển khai 04 gói hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khoẻ trẻ em.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em:

+ Phát triển và nhân rộng mô hình tiết kiệm và tín dụng tự quản để tăng cường tiếp cận tín dụng, cải thiện cơ hội sinh kế, tạo cơ hội tạo thu nhập và lồng ghép giới;

+ Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số;

+ Thí điểm và nhân rộng mô hình địa chỉ an toàn hỗ trợ bảo vệ phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình;

+ Thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người.

- Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị:

+ Đảm bảo tiếng nói và vai trò của phụ nữ trong các vấn đề kinh tế - xã hội tại địa phương;

+ Đảm bảo tiếng nói và vai trò của trẻ em gái trong phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng thông qua mô hình Câu lạc bộ “thủ lĩnh của sự thay đổi”;

+ Công tác giám sát và đánh giá về thực hiện bình đẳng giới trong thực hiện Chương trình;

+ Nâng cao năng lực của phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia ứng cử, vận động bầu cử vào các cơ quan dân cử.

- Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng:

+ Xây dựng Chương trình phát triển năng lực thực hiện bình đẳng giới;

+ Xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn về lồng ghép giới;

+ Thực hiện các hoạt động phát triển năng lực cho các cấp;

+ Đánh giá kết quả hoạt động phát triển năng lực.

d) Phân công thực hiện:

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án 8; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Dự án 8 theo định kỳ, đột xuất.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Dự án 8 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh) về kết quả thực hiện Dự án 8 theo định kỳ, đột xuất.

đ) Nhu cầu vốn và dự kiến nguồn vốn để thực hiện Dự án 8: 79,622 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 72,384 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);
- Ngân sách địa phương: 7,238 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);
- Vốn huy động hợp pháp khác.

9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

9.1 Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

a) Mục tiêu:

Xóa đói, giảm nghèo nhanh, bền vững, nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù, thu hẹp khoảng cách về mức sống, thu nhập so với các dân tộc khác trong vùng; góp phần nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, hỗ trợ cải thiện chất lượng dân số, thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc; đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ, cộng đồng và xây dựng cơ sở chính trị ở thôn bản vững mạnh; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

b) Đối tượng:

- Đồng bào các dân tộc thuộc danh sách dân tộc có khó khăn đặc thù theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sinh sống ổn định thành cộng đồng trên địa bàn các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

- Hộ dân tộc nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ;

- Các xã, thôn đặc biệt khó khăn có đồng bào các dân tộc thuộc danh sách dân tộc có khó khăn đặc thù, dân tộc còn gặp nhiều khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 sinh sống ổn định thành cộng đồng.

c) Phạm vi: Các hộ dân tộc thiểu số nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù và các xã khu vực III, các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 được thụ hưởng chính sách của Tiểu dự án này thì không được thụ hưởng chính sách tại các Dự án khác của Chương trình.

d) Nội dung:

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng tại các thôn tập trung đồng đồng bào dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù, có tỷ lệ hộ nghèo cao; ưu tiên đầu tư các thôn đặc biệt khó khăn, cụ thể:

+ Về đường giao thông: Xây dựng mới hoặc nâng cấp, sửa chữa, cứng hóa đường giao thông từ trung tâm xã đến các thôn, bản, đường nội thôn, liên thôn;

+ Về điện sản xuất, sinh hoạt: Bổ sung các trạm biến áp và lưới điện phân phối đến các hộ dân;

+ Về thủy lợi: Xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi nhỏ;

+ Công trình chống sạt lở: Xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp công trình chống sạt lở tại những điểm thôn, bản có nguy cơ sạt lở cao, ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực dân cư, trường học;

+ Các công trình về văn hóa - giáo dục: Xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng, trạm chuyển tiếp phát thanh xã, công trình phục vụ phát triển du lịch cộng đồng; kiên cố hóa các lớp học, sân chơi cho trẻ mẫu giáo, nhà công vụ cho giáo viên, nhà ở bán trú, bếp ăn cho học sinh và các công trình phụ trợ khác.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế:

+ Đối với các hộ dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù:

* Hỗ trợ giống, chuồng trại, một số vật tư đầu vào để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao; hỗ trợ tiêm vắc-xin tiêm phòng các dịch bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm;

* Hỗ trợ nâng cao kiến thức, trình độ năng lực sản xuất, tổ chức lớp tập huấn cho các hộ gia đình về kiến thức sản xuất tại thôn, bản và tham quan học tập trao đổi kinh nghiệm cho cộng đồng;

* Hỗ trợ xây dựng mô hình, tổ hợp tác liên kết theo chuỗi sản xuất tiêu thụ sản phẩm và các hoạt động phát triển sản xuất khác do cộng đồng đề xuất phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đối với các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn: Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt. Trường hợp xác định vật nuôi hoặc cây trồng khác phù hợp với địa phương, thực hiện đầu tư và tính quy đổi giá trị từ bò hoặc gà, nhưng tổng kinh phí hỗ trợ/hộ không thay đổi so với hạn mức được giao.

- Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào.

- Hỗ trợ bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù:

+ Đối với bà mẹ mang thai: Tổ chức hoạt động tư vấn dinh dưỡng, hỗ trợ dinh dưỡng cho bà mẹ trước, trong và sau sinh; khám, quản lý thai nghén và chăm sóc y tế đối với phụ nữ mang thai, hỗ trợ phụ nữ mang thai được tầm soát các loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến; hỗ trợ sinh con đúng chính sách dân số và phương tiện đi lại cho bà mẹ mang thai;

+ Đối với trẻ em dưới 05 tuổi: Hỗ trợ trẻ sơ sinh được tầm soát các loại bệnh bẩm sinh phổ biến; điều trị, cung cấp bổ sung dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi; hỗ trợ đảm bảo bữa ăn dinh dưỡng công thức (cơm/cháo dinh dưỡng công thức ăn liền) cân đối hợp lý và sữa học đường cho trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

+ Xây dựng mô hình nâng cao chất lượng dân số tại thôn, bản có đông đồng bào các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù sinh sống tập trung.

đ) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 bảo đảm không trùng lặp đối tượng, nội dung với các Dự án, Tiểu dự án khác thuộc Chương trình; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án 1 theo định kỳ, đột xuất.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Tiểu dự án 1 theo định kỳ, đột xuất.

e) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 1: 298,833 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 271,666 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);

- Ngân sách địa phương: 27,167 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);
- Vốn huy động hợp pháp khác.

9.2 Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Mục tiêu:

- Chuyển đổi nhận thức, hành vi trong hôn nhân của đồng bào dân tộc thiểu số góp phần giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là nhóm các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù;

- Trên 90% cán bộ làm công tác dân tộc các cấp, cán bộ văn hóa - xã hội xã được tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng vận động, tư vấn, truyền thông thay đổi hành vi về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vào năm 2025;

- Giảm bình quân 2% - 3%/năm số cặp tảo hôn và 3% - 5%/năm số cặp kết hôn cận huyết thống đối với các địa bàn, dân tộc thiểu số có tỷ lệ tảo hôn, kết hôn cận huyết thống cao;

- Đến năm 2025, phấn đấu ngăn chặn, hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Đối tượng:

- Nhóm vị thành niên, thanh niên là người dân tộc thiểu số thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù;

- Các bậc cha mẹ và học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;

- Nhóm phụ nữ và nam giới người dân tộc thiểu số thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù tảo hôn, kết hôn cận huyết thống;

- Lãnh đạo cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị, xã hội các cấp trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số.

c) Nội dung:

- Công tác truyền thông:

+ Biên soạn, cung cấp tài liệu, tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình;

+ Tổ chức các hội nghị lồng ghép, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa, nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc

còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù và trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Tổ chức các hội thi tìm hiểu về pháp luật về hôn nhân, về kết hôn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các Chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Duy trì và triển khai mô hình tại các xã/huyện/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao; nhân rộng các mô hình phù hợp nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác dân tộc tham gia thực hiện Dự án.

- Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Mô hình, Dự án và thực hiện các chính sách.

d) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh xác định đối tượng, địa bàn, chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án 2; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án 2 theo định kỳ, đột xuất.

- Sở Y tế hướng dẫn về chuyên môn của nội dung giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thuộc Tiểu dự án 2.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Tiểu dự án 2 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Tiểu dự án 2 theo định kỳ, đột xuất.

đ) Nhu cầu vốn và dự kiến nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 2: 18,218 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 16,562 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);
- Ngân sách địa phương: 1,656 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);
- Vốn huy động hợp pháp khác.

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

10.1 Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030

10.1.1 Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín

a) Mục tiêu: Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Biểu dương, tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp của các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

b) Đối tượng:

- Già làng, trưởng bản, người có uy tín, cán bộ cốt cán có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế của đất nước.

c) Nội dung:

- Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Xây dựng, phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn, quản lý, sử dụng lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

- Tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu, thông tin, gặp mặt, tọa đàm, hoạt động giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp cho lực lượng cốt cán, người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nhằm nâng cao năng lực, khả năng tiếp nhận thông tin, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Hỗ trợ, kịp thời động viên và có biện pháp bảo vệ phù hợp trong công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên các lĩnh vực của đời sống xã hội;

- Biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến;

- Định kỳ tổ chức (2 năm/lần đối với cấp huyện và cấp tỉnh) các hoạt động biểu dương, tôn vinh, vinh danh đối với các điển hình tiên tiến (Già làng, trưởng bản, người có uy tín, cán bộ cốt cán; nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, học sinh, sinh viên, thanh niên tiêu biểu người dân tộc thiểu số và các đối tượng khác) trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm, gặp mặt, tọa đàm, tặng quà, biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội theo khu vực (định kỳ 3 năm/lần tổ chức hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm theo khu vực và một số địa phương khác);

- Xây dựng, triển khai thực hiện và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nội dung số 01; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Nội dung số 01 theo định kỳ, đột xuất.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Nội dung số 01 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Nội dung số 01 theo định kỳ, đột xuất.

10.1.2 Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số

a) Mục tiêu: Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức cho già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, đồng bào dân tộc thiểu số và Nhân dân.

b) Đối tượng:

- Người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc;

- Cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

- Lãnh đạo tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã; thôn, bản; già làng, trưởng thôn, bản, người có uy tín, các chức sắc, chức việc tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Doanh nghiệp, HTX, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đặc biệt khó khăn.

b) Nội dung:

- Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền gồm các hoạt động: Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi (bằng các hình thức phù hợp với vùng miền, địa phương cấp huyện, tỉnh, khu vực và toàn quốc), nói chuyện chuyên đề, xây dựng mô hình điểm, câu lạc bộ tuyên truyền pháp luật; lồng ghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng chuyên trang, chuyên mục đặc thù (bằng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc thiểu số), tiểu phẩm, câu chuyện pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; biên soạn, phát hành tài liệu (tờ gấp, sách bỏ túi, cẩm nang pháp luật, sổ tay truyền thông và các ấn phẩm, tài liệu khác) bằng chữ phổ thông hoặc song ngữ chữ phổ thông và chữ dân tộc thiểu số;

- Thực hiện việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí và nghiên cứu đổi mới hình thức cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn;

- Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển;

- Tuyên truyền, truyền thông, vận động Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới tham gia tổ chức, triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

d) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nội

dung số 02; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Nội dung số 02 theo định kỳ, đột xuất.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các Sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Nội dung số 02 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Nội dung số 02 theo định kỳ, đột xuất.

10.1.3 Nội dung số 03: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Mục tiêu: Bảo đảm công bằng trong tiếp cận công lý của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xây dựng các mô hình điểm giúp đồng bào kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi gặp vướng mắc, tranh chấp pháp luật.

b) Đối tượng: Già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng, cán bộ cơ sở, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; người thực hiện trợ giúp pháp lý và cán bộ các cơ quan liên quan.

c) Nội dung:

- Nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số, tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

- Xây dựng các Chương trình về trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số phủ sóng các tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Biên soạn, cung cấp các tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số.

d) Phân công thực hiện:

- Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nội dung số 03; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Nội dung số 03 theo định kỳ, đột xuất.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Nội dung số 03 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc, Sở Tư pháp) về kết quả thực hiện Nội dung số 03 theo định kỳ, đột xuất.

10.1.4 Nhu cầu vốn và dự kiến nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 1: 36,988 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 33,625 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);
- Ngân sách địa phương: 3,363 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);
- Vốn huy động hợp pháp khác.

10.2 Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ và quảng bá các sản phẩm của địa phương cho bạn bè trong nước và thế giới. Nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình.

b) Đối tượng:

- Cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan làm công tác dân tộc; các cơ quan thường trực Chương trình ở địa phương;
- Các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

c) Nội dung:

- Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình;
- Tổ chức thực hiện các hoạt động Hội nghị, hội thảo, buổi làm việc trực tuyến của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh và cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình;
- Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự;
- Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án 2 (trừ nhiệm vụ do Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì thực hiện); tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện nội dung “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự”; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện nội dung “Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Tiểu dự án 2 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) về kết quả thực hiện Tiểu dự án 2 theo định kỳ, đột xuất.

đ) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 2: 35,709 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 32,463 tỷ đồng (vốn đầu tư: 26,052 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 6,411 tỷ đồng);

- Ngân sách địa phương: 3,246 tỷ đồng (vốn đầu tư: 2,605 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 0,641 tỷ đồng);

- Vốn huy động hợp pháp khác.

10.3 Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

a) Mục tiêu: Thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo Chương trình thực hiện đạt được mục tiêu đề ra.

b) Đối tượng:

- Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

- Người dân trên địa bàn thụ hưởng Chương trình.

c) Nội dung:

- Triển khai Bộ chỉ số theo dõi thực hiện, khung kết quả của Chương trình, gồm: Hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án;

xây dựng chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện (áp dụng công nghệ 4.0, phần mềm ứng dụng trên nền tảng thiết bị di động);

- Vận hành phần mềm giám sát đánh giá, đảm bảo thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin giám sát và đánh giá phục vụ kịp thời cho yêu cầu quản lý Chương trình;

- Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các địa phương, gồm cả cơ quan chủ trì và các ban ngành tham gia tổ chức thực hiện Chương trình;

- Tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình;

- Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng. Tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình;

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện điểm Chương trình tại một số địa bàn phù hợp;

- Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các địa phương.

d) Phân công thực hiện:

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện các nội dung của Tiểu dự án 3.

đ) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 3: 10,593 tỷ đồng (không bao gồm nội dung kiểm tra, giám sát, đánh giá và xây dựng bộ chỉ số KPI của Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 5), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 9,630 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);

- Ngân sách địa phương: 0,963 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);

- Vốn huy động hợp pháp khác.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về nguyên tắc và giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình:

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, thôn, buôn khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số khó khăn nhất.

- Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Ưu tiên sử dụng các cấu kiện xây dựng theo mô-đun (module) lắp ghép bảo đảm thi công nhanh, giảm chi phí phục vụ các công trình. Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

- Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

- Hải hòa các cơ chế, quy trình áp dụng thống nhất trong các dự án, tiểu dự án của Chương trình; ưu tiên lựa chọn các nội dung đầu tư có định mức cao hơn để tổ chức thực hiện đối với các đối tượng thụ hưởng; đảm bảo nguyên tắc không trùng lắp giữa các hoạt động, nội dung đầu tư của các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình đối với cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

- Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Phòng, chống, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Chương trình.

2. Về giải pháp huy động vốn:

- Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn để thực hiện Chương trình, trong đó ngân sách nhà nước đóng vai trò quan trọng và có ý nghĩa quyết định; có giải pháp huy động hợp lý các nguồn vốn ODA; tăng cường huy động các nguồn đóng góp hợp pháp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và nước ngoài.

- Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của tỉnh và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng.

3. Về cơ chế, chính sách hỗ trợ:

- Ưu tiên đầu tư các công trình giao thông cho các xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; đầu tư công trình giao thông kết nối, công trình điện lưới quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh cho các huyện nghèo có nhiều xã biên giới, xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn; đầu tư trường dân tộc nội trú cho các huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, có nhiều xã đặc biệt khó khăn.

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ tạo sinh kế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thông qua dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt dựa trên quy hoạch, kế hoạch, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương; ưu tiên hỗ trợ cho các hộ dân tộc thiểu số là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tự nguyện đăng

ký tham gia dự án thông qua nhóm hộ, cộng đồng. Nguồn vốn thực hiện dự án từ ngân sách nhà nước, vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc các tổ chức tín dụng do Nhà nước chỉ định thực hiện việc cho vay ưu đãi, nguồn vốn lồng ghép thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, nguồn vốn đối ứng của hộ gia đình.

4. Về công tác tuyên truyền:

Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng mục tiêu của Chương trình đến mọi cấp, mọi ngành, các tầng lớp dân cư và người dân tộc thiểu số nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong công tác dân tộc, chính sách dân tộc, giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người dân tộc thiểu số, nhất là người dân tộc thiểu số nghèo.

5. Về khoa học, kỹ thuật và công nghệ:

Tăng cường nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để phục vụ công tác dự tính, dự báo, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc.

6. Về mở rộng hợp tác quốc tế:

Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, cả đa phương, song phương và các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong quá trình xây dựng và thực hiện Chương trình để chia sẻ thông tin và kinh nghiệm, đồng thời tranh thủ sự trợ giúp về kỹ thuật và nguồn lực để thực hiện thành công mục tiêu của Chương trình.

IV. DỰ KIẾN TỔNG MỨC VỐN VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Dự kiến tổng mức vốn để thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 là 4.022,513 tỷ đồng, trong đó:

1. Vốn ngân sách trung ương: 3.656,829 tỷ đồng, bao gồm:
 - Vốn đầu tư: 2.053,254 tỷ đồng;
 - Vốn sự nghiệp: 1.603,575 tỷ đồng;
2. Vốn ngân sách địa phương: 365,684 tỷ đồng, bao gồm:
 - Vốn đầu tư: 205,326 tỷ đồng;
 - Vốn sự nghiệp: 160,358 tỷ đồng;
3. Vốn vay tín dụng chính sách.
4. Vốn huy động hợp pháp khác.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc

- Là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định;

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định;

- Trong quá trình thực hiện Chương trình chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan và địa phương có liên quan tiếp tục rà soát, lựa chọn các nội dung/hoạt động đầu tư/hỗ trợ, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp với các chương trình, dự án khác và các hoạt động thường xuyên của các Sở, ngành, địa phương bảo đảm hiệu quả thực hiện Chương trình;

- Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương thực hiện rà soát, tham mưu UBND tỉnh quyết định hoặc hướng dẫn các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật để làm căn cứ triển khai thực hiện Chương trình;

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành thực hiện các giải pháp để tăng cường công tác phối hợp và phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình định kỳ, đột xuất theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp Chương trình.

- Trên cơ sở đề xuất của cơ quan chủ trì Chương trình, tổng hợp kế hoạch, phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình vào kế hoạch 05 năm và kế hoạch hằng năm, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp huy động hợp lý các nguồn vốn bổ sung cho Chương trình bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc và các Sở, ngành, cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh trình HĐND bố trí vốn sự nghiệp thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Chủ trì, hướng dẫn về cơ chế tài chính, thanh quyết toán các nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin truyền thông thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu của Chương trình.

5. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Triển khai thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng đối tượng, đúng mục đích; thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện chính sách theo quy định.

6. Các Sở, ngành, cơ quan được phân công chủ trì Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình

- Tổng hợp kết quả thực hiện; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện hàng năm; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm và hằng năm đối với Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc lĩnh vực quản lý, gửi Ban Dân tộc để tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định;

- Lập kế hoạch vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm và hằng năm để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình, gửi Ban Dân tộc để tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định;

- Chịu trách nhiệm rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các Chương trình, dự án, Đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các Sở, ngành, địa phương;

- Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao thực hiện rà soát, quyết định hoặc hướng dẫn các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật để làm căn cứ triển khai thực hiện Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các Sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ trì theo quy định, gửi Ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG của tỉnh;

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về Ban Dân tộc để tổng hợp;

- Xây dựng và hướng dẫn cơ chế huy động thêm nguồn lực để thực hiện các nội dung của các Sở, ngành;

- Thường xuyên, định kỳ tổ chức các đoàn kiểm tra ở các địa phương được phân công; giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình theo lĩnh vực được phân công.

7. Các Sở, ngành, cơ quan tham gia thực hiện Chương trình: Có trách nhiệm nghiên cứu, lồng ghép thực hiện Chương trình với các Chương trình mục tiêu, dự án khác được giao chủ trì quản lý bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức quán triệt đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện của Chương trình; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể xã hội và Nhân dân trên địa bàn trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 05 năm và hàng năm gửi Ban Dân tộc, cơ quan chủ trì Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình và các cơ quan liên quan theo quy định;

- Tổ chức triển khai; giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn theo định kỳ, đột xuất;

- Kiện toàn hoặc thành lập mới Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn;

- Chủ động nghiên cứu, cụ thể hoá các cơ chế, chính sách phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn tại địa phương để hỗ trợ, đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn; đồng thời, chủ động bố trí nguồn kinh phí ngân sách huyện, lồng ghép với nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn vốn huy động hợp pháp khác để triển khai thực hiện có hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn.

9. Trân trọng đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, những khó khăn, vướng mắc (nếu có), vượt thẩm quyền giải quyết hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị chủ động đề xuất, gửi Ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.